

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

Bản chú giải này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính thời kỳ từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007 của **Công ty CP Thương Mại-Dịch Vụ Bến Thành** -(dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 06 đến trang 11. Bản chú giải này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

(*) Số dư ngày 31/12/2006 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Thương Mại-Dịch Vụ Bến Thành là một công ty Cổ phần thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002274 ngày 21 tháng 04 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là: 25.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 08 ngày 11 tháng 06 năm 2007 là: 88.000.000.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính đặt tại số: 186 -188 Lê Thánh Tôn - Phường Bến Thành – Q1- Tp.HCM

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, hàng điện lạnh- điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiểu vũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công nông ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng, hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em, tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ mắt kính, vàng bạc đá quý, thiết bị sản xuất vàng, băng đĩa từ, vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế. Mua bán, chế biến nông lâm thủy hải sản; sản xuất gia công hàng thủ công mỹ nghệ, quần áo, sản phẩm kim loại. Mua bán dầu nhớt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, viễn thông, cơ khí, mỡ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, chế phẩm từ sữa các loại.

Kinh doanh nhà, cho thuê nhà, căn hộ, văn phòng; sửa chữa nhà, trang trí nội thất, cho thuê kho bãi, Dịch vụ nhà đất, môi giới thương mại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông, đo đạc, cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuế hải quan.

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, cho thuê xe, dịch vụ lao động. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án , dự toán công trình xây dựng; Tư vấn du học, đào tạo ngoại ngữ; Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Kinh doanh lưu trú du lịch: nhà hàng- khách sạn, khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí.

4.Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến BCTC: không

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006. Việc lập báo cáo tài chính được lập tuân thủ ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Việt Nam và các chuẩn mực kế toán hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính của Công ty đã được soạn thảo trên cơ sở dồn tích, quy ước theo giá gốc, phù hợp với các yêu cầu luật định, các chuẩn mực kế toán hiện có của Việt Nam; Vì vậy, các nguyên tắc và thực hành kế toán đang được áp dụng tại Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước và các thể chế khác.

- 3. Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ để ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: nhập trước xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Căn cứ lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: xác định dựa trên chênh lệch giữa giá gốc lớn hơn giá trị thuần của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao tích lũy. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào hoạt động theo dự tính sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, xác định theo thời gian hữu dụng ước tính của tài sản; tỷ lệ khấu hao hàng năm được vận dụng theo khung thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết ; các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn căn cứ vào tỉ lệ vốn góp và kết quả kinh doanh trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí vay được xác định một cách đáng tin cậy

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm :

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả: Tại thời điểm có bằng chứng phát sinh chi phí không kể đã chi hay chưa chi tiền.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: Theo thông tư số 82/2003/TT - BTC ngày 14/08/2003 .

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng:

Doanh thu từ việc bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro về quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về bán hay khả năng trả lại hàng và xuất hoá đơn.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và xuất hoá đơn.

- Doanh thu hoạt động tài chính:

Các khoản thu về lãi tiền gửi, thu chênh lệch tỉ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chỉ tiêu thu nhập tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỉ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên cơ sở thuế phải nộp trong năm dựa trên các nghiệp vụ phát sinh đã được ghi nhận trên sổ sách báo cáo tài chính chưa được phê duyệt bởi Cơ quan thuế. Sự khác biệt (nếu có) giữa số kê khai trên báo cáo tài chính và số quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh trong niên độ tiếp theo trên chỉ tiêu lãi lỗ chưa phân phối năm trước.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái :

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỉ giá từ các nghiệp vụ này được kết chuyển vào báo cáo lãi lỗ trong kỳ.

Các tài khoản có số dư gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2007 là: 16.114 VNĐ/ USD và tỉ giá vàng quy đổi là: 1.602.500 đồng/ chỉ

15. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:**Phương pháp tính lương và hạch toán lương:**

Chi phí lương trong kỳ bao gồm: lương cơ bản, lương doanh thu và phụ cấp khác.

Đơn giá tiền lương được duyệt năm 2007 của Hội Đồng Quản trị 58% trên tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương)

Thuế:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%. Năm 2007 công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
- Tiền mặt tại quỹ:	1.231.977.700	811.757.000
- Tiền gửi ngân hàng:	11.241.686.913	8.476.775.527
- Các khoản tương đương tiền (*)	59.308.354.216	8.339.273.878
<u>Tổng cộng</u>	<u>71.782.018.829</u>	<u>17.627.806.405</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

(*) bao gồm:

<i>Cổ phiếu có thời hạn dưới 03 tháng:</i>	<i>5.105.417.454</i>	
<i>Tiền gửi có kỳ hạn EXIMBANK</i>	<i>6.259.860.000</i>	
<i>Tiền gửi có kỳ hạn OCB</i>	<i>46.500.000.000</i>	
<i>Tiền gửi có kỳ hạn CTY CK SSI</i>	<i>1.443.076.762</i>	
Cộng:	<u>59.308.354.216</u>	
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:	(300.785.606)	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
- Các khoản phải thu khác	57.553.916.879	480.184.819
4. Hàng tồn kho	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	9.117.360	8.784.616
- Hàng hoá	41.860.316.524	35.652.406.861
<u>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</u>	<u>41.869.433.844</u>	<u>35.661.191.477</u>

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định có đến 31/12/2007 được phân loại dựa theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 2/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính Việt Nam.

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng Cộng
I- Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.288.056.411	3.279.383.785	1.898.635.648	716.470.802	22.182.546.646
- Mua trong năm	20.615.241.500	49.945.000		69.024.763	20.734.211.263
- Thanh lý, nhượng bán	2.072.897.000				2.072.897.000
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	34.830.400.911	3.329.328.785	1.898.635.648	785.495.565	40.843.860.909
II- Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	4.816.708.518	1.465.881.127	828.155.674	561.892.529	7.672.637.848
- Khấu hao trong năm	1.104.451.364	525.509.560	173.366.259	96.445.846	1.899.773.029
- Thanh lý, nhượng bán	1.253.876.743				1.253.876.743

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

Số dư cuối năm	4.667.283.139	1.991.390.687	1.001.521.933	658.338.375	8.318.534.134
III- Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	11.471.347.893	1.813.502.658	1.070.479.974	154.578.273	14.509.908.798
- Tại ngày cuối năm	30.163.117.772	1.337.938.098	897.113.715	127.157.190	32.525.326.775

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình hiện có là: phần mềm máy vi tính.

Nguyên giá:	32.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	21.333.333
Khấu hao trong năm:	10.666.667
Số dư cuối năm:	32.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐVH	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
	3.451.432.746	1.197.040.325

Bao gồm các công trình:

+ CT cao ốc văn phòng 208-210 Lê Thánh Tôn:	1.513.531.850	734.829.222
+ CT cao ốc văn phòng 186-188 Lê Thánh Tôn:	790.521.998	150.540.259
+ CT cao ốc văn phòng 36-38 Nguyễn Cư Trinh:	1.071.287.989	253.000.132
+ Các công trình khác	76.090.909	58.670.712

<u>Tổng cộng:</u>	<u>3.451.432.746</u>	<u>1.197.040.325</u>
--------------------------	-----------------------------	-----------------------------

13. Các khoản đầu tư dài hạn:

- Cổ phiếu:	56.347.650.000	-
- Trái phiếu:	200.000.000	-
- Đầu tư vào công ty con: (*)	408.000.000	408.000.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: (**)	6.950.000.000	4.450.000.000
- Đầu tư dài hạn khác: (***)	3.456.000.000	13.508.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.500.000.000)	(678.000.000)

<u>Tổng cộng:</u>	<u>65.861.650.000</u>	<u>17.688.000.000</u>
--------------------------	------------------------------	------------------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

(*) Là khoản đầu tư vào công ty TNHH DVTM Bến Thành MS với vốn góp đến thời điểm 31/12/2007 là: 408.000.000 đồng, chiếm 51% trên tổng vốn đầu tư.

(**) Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết:	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
+ Công ty TNHH Cơ khí Bến Thành:	3.750.000.000	3.250.000.000
+ Công ty TNHH Bến Thành- Sunny:	3.200.000.000	1.200.000.000
Cộng:	6.950.000.000	4.450.000.000
(***) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
+ Khu Du lịch Bến Thành – Long Hải:	1.656.000.000	1.250.000.000
+ Công ty TNHH Chợ Cửa Khẩu Mộc Bài-Tây Ninh:	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty TNHH TMDV Phở 2000:	100.000.000	100.000.000
+ Công ty TNHH TMDV TH Bến Thành Savico:	700.000.000	700.000.000
Cộng:	3.456.000.000	3.050.000.000
14. Chi phí trả trước dài hạn:	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
- Số dư đầu năm:	367.243.426	361.984.500
- Tăng trong năm:	2.898.283.158	899.137.502
- Kết chuyển chi phí trong năm	931.620.128	893.878.576
- Số dư cuối năm:	2.333.906.456	367.243.426
15. Vay và nợ ngắn hạn:	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
- Vay ngắn hạn:	27.619.174.945	17.592.965.616
- Nợ dài hạn đến hạn trả:	570.000.000	802.084.000
Tổng cộng:	28.189.174.945	18.395.049.616
Chi tiết khoản vay ngắn hạn:		
+ Vay của các cá nhân	3.243.364.952	
+ Vay của VIETCOMBANK	7.133.281.064	
+ Vay của INCOMBANK	4.464.542.745	
+ Vay của EXIMBANK	1.961.111.184	
+ Vay vàng của EXIMBANK	<u>10.816.875.000</u>	
Cộng:	27.619.174.945	
16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

- Thuế GTGT:	810.067.751	1.589.426.989
- Thuế xuất nhập khẩu:	320.813.171	83.682.874
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:	407.192.850	2.374.247.047
- Thuế thu nhập cá nhân:	263.855.692	66.049.982
<u>Tổng cộng</u>	1.801.929.464	4.113.406.892

17. Chi phí phải trả: 31/12/2007 31/12/2006

- Chi phí phải trả:	224.000.000	-
---------------------	-------------	---

Chi phí phải trả là khoản trích trước tiền thuê nhà 215-217 Lý Tự Trọng tháng 11,12/2007

18. Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác 31/12/2007 31/12/2006

- Kinh phí công đoàn	-	44.405.718
- Bảo hiểm xã hội:	103.569.300	-
- Bảo hiểm y tế:	15.535.395	-
- Cổ tức phải trả:	154.117.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	436.796.134	1.352.370.025

Tổng cộng: **710.017.829** **1.396.775.743**

20. Vay và nợ dài hạn: 31/12/2007 31/12/2006

- Vay dài hạn:	2.367.824.020	4.330.583.672
----------------	---------------	---------------

Là khoản vay dài hạn của Đông Nam Á theo HĐ số 10234/HĐTD ngày 28/02/2006 với hạn mức vay là 4,7 tỷ ; thời gian vay: 84 tháng; lãi suất: 1% / tháng.

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :**

Diễn giải	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư cuối năm trước Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	2.000.000.000	3.487.477.558	501.181.195	531.533.140	22.369.708.651
- Tăng vốn trong năm	53.000.000.000	125.419.120.000				
- Lãi trong năm nay						18.949.472.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

- Tăng các nguồn quỹ			1.112.831.700	1.112.831.700	3.462.395.100	
- Giảm trong năm nay				0	2.651.861.161	6.009.291.180
- Chia cổ tức trong năm						18.300.000.000
Số dư cuối năm	88.000.000.000	127.419.120.000	4.600.309.258	1.614.012.895	1.342.067.079	17.009.890.227

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu:**31/12/2007****31/12/2006**

- Vốn đầu tư của Nhà nước:	33.722.730.000	17.850.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác:	54.277.270.000	17.150.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần:	127.419.120.000	2.000.000.000

Tổng cộng:**215.419.120.000****37.000.000.000****c . Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:****- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:****31/12/2007****31/12/2006**

+ Vốn góp đầu năm:	35.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm:	53.000.000.000	5.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm:	88.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia:	4.300.000.000	2.100.000.000

d. Cổ tức:**31/12/2007****31/12/2006**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ:	16.100.000.000	3.250.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	16.100.000.000	3.250.000.000

đ. Cổ phiếu:**31/12/2007****31/12/2006**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.800.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	8.800.000	3.500.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.800.000	3.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

- Quỹ đầu tư phát triển:	4.600.309.258	3.487.477.558
- Quỹ dự phòng tài chính:	1.614.012.895	501.181.195
- Quỹ khen thưởng phúc lợi:	1.342.067.079	531.533.140
<u>Tổng cộng:</u>	7.556.389.232	4.520.191.893

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2007 :

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	325.995.535.839	304.960.320.297
- Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	314.283.042.066	292.942.373.796
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ:	11.712.493.773	12.017.946.501
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	325.995.535.839	304.960.320.297
28. Giá vốn hàng bán	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	277.917.641.333	260.997.123.225
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.452.871.641	1.470.919.362
<u>Tổng Cộng</u>	279.370.512.974	262.468.042.587
29. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay:	5.875.078.910	505.066.092
- Cổ tức, lợi nhuận được chia:	3.771.564.291	2.221.182.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện:	129.012.175	37.598.356
- Doanh thu hoạt động tài chính khác:	2.549.755.375	16.464.414.373
<u>Tổng Cộng</u>	12.325.410.751	19.228.261.021
30. Chi phí tài chính:	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

- Lãi tiền vay:	793.256.595	1.272.927.700
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:	1.122.785.606	678.000.000
- Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện:	40.980.432	51.068.174
- Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện:	32.877.617	6.644.226
- Chi phí tài chính khác:	311.693.911	-
<u>Tổng cộng:</u>	2.301.594.161	2.008.640.100

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành: **2.507.602.199**

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân công	21.119.882.368	22.855.242.729
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	978.605.432	890.616.592
- Chi phí Khấu hao TSCĐ	1.910.439.696	1.736.427.560
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.965.487.768	6.234.440.336
- Chi phí bằng tiền khác	3.465.958.257	3.799.855.599
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	253.208.714	-
<u>Tổng cộng:</u>	35.693.582.235	35.516.582.816

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC.**7. Những thông tin khác:****a. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ: Năm nay**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.457.074.955
✦ Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận:	32.877.617
+ Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện:	32.877.617
✦ Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận:	3.578.508.291
+ Lợi nhuận được chia liên doanh sau thuế:	3.578.508.291
- Tổng thu nhập chịu thuế:	17.911.444.281
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (giảm 50%):	2.507.602.199

b. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 18.949.472.756

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (*)

Niên độ kết thúc ngày 31/12/2007

Báo cáo tài chính trên đây đã được phê duyệt bởi Ban Tổng Giám Đốc Công ty ngày 21/01/2008

Ngày 21 tháng 01 năm 2008.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM HOÀNG NAM

NGUYỄN THỊ THANH HÀ